

ÔN TẬP HỌC KÌ 1

(9 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kỹ năng:

– Ôn tập các số trong phạm vi 100: cấu tạo số, sơ đồ tách – gộp số, so sánh số, dãy số thứ tự theo quy luật, ước lượng, ...

– Ôn tập cộng, trừ có nhớ trong phạm vi 100: tính nhẩm, tính viết, vận dụng sơ đồ tách – gộp số, mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ để tìm kết quả và tìm thành phần trong phép cộng, phép trừ, biểu đồ tranh, vận dụng giải quyết vấn đề đơn giản, ...

– Ôn tập hình học và đo lường: ngày, giờ, xem lịch, đo độ dài, cộng trừ số đo độ dài, ghép hình, ...

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

Phẩm chất: yêu nước.

B. Thiết bị dạy học

HS: 10 khối lập phương.

GV: Hình vẽ bài 9 (phần số), bài 12 (phần phép tính), bài 3 (phần hình), hai tờ lịch dùng cho bài 5 (phần hình).

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

GV cho HS hát múa.

LUYỆN TẬP

ÔN TẬP CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100

Bài 1:

– HS (nhóm bốn) **tìm hiểu** bài, **nhận biết**:

Yêu cầu của bài: **Số?**

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** cách làm.

GV hỏi để hệ thống lại cấu tạo thập phân của số (số chục – số đơn vị).

Bài 2:

– **Tìm hiểu**, nhận biết: xác định cách đọc số, viết số và cấu tạo số.

– HS (nhóm đôi) **thảo luận**, **chọn** cách **đọc số**, **viết số**, **cấu tạo số** đúng.

Bài 3:

– Nhóm hai HS **tìm hiểu** bài, **nhận biết**:

• Yêu cầu của bài: **Số?**

• Tìm thế nào? (dãy số đếm thêm – câu a: thêm 1; câu b: thêm 2; câu c: thêm 5; câu d: thêm 10)

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** tại sao điền như vậy.

Mở rộng: hình dạng các dãy số (tròn, tam giác, vuông, chữ nhật có cùng màu ghép vào giống hình cây nến).

Bài 4:

– Tìm hiểu đề bài: **nhận biết** yêu cầu, **xác định** nhiệm vụ.

Hình **cuối cùng** (thứ sáu) có bao nhiêu con kiến?

– Tìm cách làm: HS thảo luận (nhóm bốn).

HS **đếm** và **viết** số con kiến bốn hình theo thứ tự: **2, 5, 8, 11** (đếm thêm 3).

Làm bài: HS làm bài cá nhân.

Kiểm tra: HS chia sẻ trong nhóm để kiểm tra lại kết quả.

– Sửa bài: GV gọi vài em **đọc** kết quả, **nói** cách làm.

* GV chốt: HS có thể có cách làm khác nhau, lí luận đúng để tìm được kết quả đúng thì chấp nhận.

Hình cuối cùng có **17** con kiến.

Bài 5:

– Nhóm hai HS **tìm hiểu** bài, **nhận biết**:

- Yêu cầu của bài: **so sánh – điền dấu**.

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** tại sao chọn điền dấu đó.

Bài 6:

GV lưu ý HS tự xác định yêu cầu để làm bài và tự kiểm tra sau khi làm xong.

– **Xác định**: yêu cầu của bài (tìm số lớn nhất, số bé nhất).

– **Kiểm tra**: các số tìm được có đúng theo yêu cầu chưa.

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** tại sao chọn các số đó.

– GV hệ thống hoá cách so sánh các số trong phạm vi 100.

- Số có một chữ số bé hơn số có hai chữ số.
- So sánh các số có hai chữ số: So sánh từ trái sang phải.
 - + Số nào có số chục lớn hơn thì số đó lớn hơn.
 - + Nếu số chục bằng nhau, số nào có số đơn vị lớn hơn thì số đó lớn hơn.

Bài 7:

– HS thảo luận để chọn số phải sắp xếp lại.

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** tại sao chọn các số đó để đổi chỗ.

(có thể xác định số bé nhất, số lớn nhất, từ đó sẽ biết phải đổi chỗ hai chiếc lá nào)

– Mở rộng: GV giới thiệu một số loại kiến cắt lá để làm tổ.

Bài 8:

– **Tìm hiểu**, nhận biết: xác định số nhà của mỗi con chim (dựa vào tia số), mỗi con chim giới thiệu về ngôi nhà của mình – đó cũng chính là số nhà của chim.

Bài này nên dựa vào lời nói của chim để xác định số nhà của chim trước, khi có kết quả sẽ tìm nhà cho chim, tránh bắt HS phải đếm theo từng vạch nhỏ.

Ví dụ: Số liền sau của 70 là số mấy? (71)

71 ở bên nào của số 70? (phải)

Nhà của chim xanh là nhà vàng.

...

Bài 9:

– HS nhóm đôi **tìm hiểu** bài, **nhận biết** yêu cầu “ước lượng – đếm” số trứng chim theo nhóm.

– HS **thực hiện** rồi nói kết quả.

- Khi sửa bài, HS trình bày cách làm.
- (GV khuyến khích HS vừa nói vừa thao tác trên hình vẽ được GV treo bảng lớp: có 7 nhóm, mỗi nhóm khoảng 10 quả. Em đếm: 10, 20, 30, 40, 50, 60, 70. Có khoảng 70 quả trứng).
Đếm: có 73 quả.

ÔN TẬP PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ

Bài 1:

- HS thực hiện nhóm đôi: Đọc phép tính và nói kết quả cho bạn nghe.
- Sau khi sửa bài, GV khuyến khích HS nhìn vào phép tính nêu cách xác định phép tính (cộng, trừ).

Ví dụ: $8 + 3$; $5 + 8$; $7 + 6$; $9 + 4$ là các phép cộng qua 10 trong phạm vi 20.

$12 - 5$; $16 - 8$; $11 - 3$; $13 - 7$ là các phép trừ qua 10 trong phạm vi 20 (các số trừ đều có số đơn vị lớn hơn số đơn vị ở số bị trừ).

GV hỏi để hệ thống hoá cách tính nhằm:

Làm cho đủ chục rồi cộng với số còn lại.

Trừ để được 10 rồi trừ số còn lại.

Bài 2:

- **Tìm hiểu**, nhận biết: **đặt tính rồi tính**.

GV hỏi để hệ thống hoá:

- Xác định loại phép tính (có nhớ hay không nhớ).
- Đặt tính.
- Tính (nếu có nhớ thì sao).
- Nên giới thiệu cách kiểm tra kết quả (kiểm tra các con số có đúng như đề bài và kiểm tra cách tính; có thể dùng mối quan hệ cộng, trừ; riêng đối với phép cộng, có thể dùng thêm tính chất giao hoán để kiểm tra).

Bài 3: Tìm hiểu, nhận biết: vận dụng sơ đồ tách – gộp số hoặc mối liên hệ cộng, trừ để tìm thành phần trong phép tính.

Hệ thống hoá các cách làm.

Thử thách

- **Tìm hiểu** bài, phân tích mẫu.

Yêu cầu của bài: **Tìm 3** số gia đình rồi **viết 4** phép tính.

- HS (nhóm bốn) **thảo luận**, **nhận dạng**: **tìm** hai số có **tổng** là một số tròn chục.

Ví dụ: $8 + 2 = 10$, nên tổng của 28 và 12 là một số tròn chục: $28 + 12 = 40$.

- HS **viết** các phép tính ra bảng con.

– Khi sửa bài, GV khuyến khích HS **trình bày** cách xác định các số gia đình.

$$\begin{array}{ll} 28 + 12 = 40 & 40 - 28 = 12 \\ 12 + 28 = 40 & 40 - 12 = 28 \\ 34 + 26 = 60 & 60 - 34 = 26 \\ 26 + 34 = 60 & 60 - 26 = 34 \end{array}$$

Bài 4:

– Nhóm đôi HS tìm **hiểu bài, nhận biết**:

- Yêu cầu của bài: **Số?**
- Tìm cách làm: “tổng 2 số trong các ô cùng màu (trong cùng cột) đều bằng 50”.

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** tại sao điền như vậy.

50	21	8	30	25	12	6	36
	29	42	20	25	38	44	14

Ví dụ: 50 gồm 21 và 29; 50 gồm 8 và 42; 50 gồm 30 và 20,...

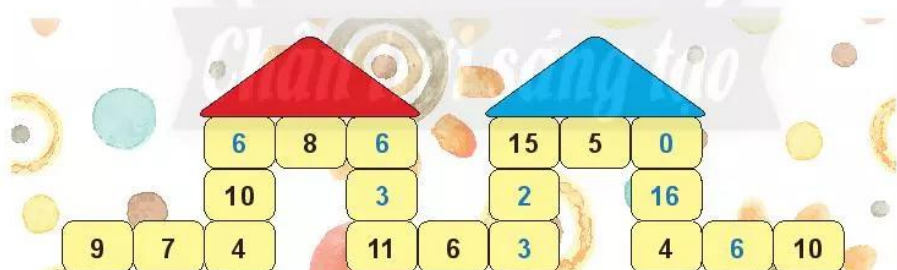
Bài 5:

– Nhóm đôi HS tìm **hiểu bài, nhận biết**:

- Yêu cầu của bài: **Số?**
- Tìm thế nào? Tổng ba số cạnh nhau trong cùng hàng hay cùng cột đều bằng 20. (gộp 9 và 7 và 4 để được 20?).

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** tại sao điền như vậy.

GV lưu ý HS dựa vào cách tách – gộp số để kiểm tra kết quả.



Ví dụ: $9 + 7 + 4 = 20$; $4 + 10 + 6 = 20$,...

Bài 6:

– HS xác định cái đã cho và câu hỏi của bài toán, xác định các việc cần làm: **giải bài toán**.

– HS **làm** bài cá nhân.

– Sửa bài: GV khuyến khích nhiều nhóm **trình bày** bài giải (có **giải thích** cách làm: chọn phép cộng vì hỏi tất cả thì phải “gộp”).

Mở rộng nói về con đom đóm: Đom đóm là loài côn trùng cánh cứng nhỏ, có khả năng phát sáng, hoạt động về ban đêm, con đực thường có cánh và bay vào những đêm đầu mùa hạ.

Bài 7:

- HS nhóm đôi **tìm hiểu** bài, **nhận biết** yêu cầu “điền dấu phép tính”.
- HS thảo luận nhóm đôi để tìm cách làm và **thực hiện** rồi nói kết quả.
- Khi sửa bài, HS trình bày cách làm

GV có thể lưu ý để HS **nhận biết**:

- Nếu kết quả tăng so với các thành phần tham dự phép tính thì nghĩ đến phép tính cộng.
- Nếu kết quả giảm so với các thành phần tham dự phép tính thì nghĩ đến phép tính trừ.

a) $76 + 20 = 96$

$76 - 20 = 56$

b) $0 + 51 = 51$

$83 - 83 = 0$

$42 - 0 = 42$ hoặc $42 + 0 = 42$












c) $35 + 19 = 19 + 35$

GV hệ thống kiến thức: Vai trò số 0 trong phép cộng, phép trừ; đổi chỗ các số hạng thì tổng không thay đổi.

Vui học

- HS nhóm đôi **tìm hiểu** bài, **nhận biết** yêu cầu “đi theo các phép tính có nhớ” (các phép tính cộng, trừ qua 10).
- Khi sửa bài, HS trình bày cách làm (GV có thể treo hình vẽ lên bảng để minh họa).
- * Các phép tính có nhớ: $83 - 44$; $50 - 22$; $13 + 69$.

Đi theo các phép tính có nhớ.

 $11 + 28$		
 $75 - 35$	 $6 + 72$	
 $36 + 13$	 $83 - 44$	 $18 + 71$
 $40 + 29$	 $83 - 43$	 $50 - 20$
		$13 + 69$

Hệ thống cách cộng, trừ có nhớ: Làm tròn 10 rồi cộng tiếp, nhớ thêm vào chục.
Trừ còn 10, rồi trừ tiếp, nhớ bớt ở chục.

Bài 8:

– HS (nhóm đôi) **tìm hiểu** bài, **nhận biết** yêu cầu: **Viết phép tính** tìm số con bọ rùa ở mỗi hình vẽ.

– HS **quan sát** từng hình vẽ, **thảo luận** để xác định cái đã cho và câu hỏi của bài toán.

– HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ với bạn.

– HS trình bày.

GV khuyến khích HS đọc các phép tính theo sơ đồ tách – gộp số.

Mở rộng: Mỗi liên hệ cộng, trừ, giúp HS **hệ thống** lại cách tìm thành phần trong phép cộng, phép trừ (dựa vào sơ đồ tách – gộp số hay mối liên hệ cộng, trừ).

Bài 9:

– HS xác định cái đã cho và câu hỏi của bài toán, xác định các việc cần làm: **điền số thích hợp**.

– HS **làm** bài cá nhân.

– Sửa bài: GV khuyến khích nhiều nhóm **trình bày** bài giải (có **giải thích** cách làm: chọn phép trừ vì sử dụng thao tác tách để tìm kết quả).

GV lưu ý HS khi so sánh để tìm kết quả có 2 yêu cầu:

- **Nhiều hơn** (khi so sánh số lớn với số bé).

- **Ít hơn** (khi so sánh số bé với số lớn).

Nhưng chỉ có **một cách** làm, đó là **thực hiện** phép tính **trừ**.

Bài 10:

– HS xác định cái đã cho và câu hỏi của bài toán, xác định các việc cần làm: **giải bài toán**.

– HS **làm** bài cá nhân.

– Sửa bài: GV khuyến khích nhiều nhóm **trình bày** bài giải (có **giải thích** cách làm).

GV lưu ý HS khi biết một số và phần chênh lệch ít hơn, để tìm số còn lại, ta chọn phép tính **trừ** vì số phải tìm là **số bé** hơn (thao tác tách).

Bài 11:

– HS xác định cái đã cho và câu hỏi của bài toán, xác định các việc cần làm: **giải bài toán**.

– HS **làm** bài cá nhân.

– Sửa bài: GV khuyến khích nhiều nhóm **trình bày** bài giải (có **giải thích** cách làm).

GV lưu ý HS khi biết một số và phần chênh lệch nhiều hơn, để tìm số còn lại, ta chọn phép tính **cộng** vì số phải tìm là **số lớn** hơn (thao tác gộp).

Bài 12: Thu thập, phân loại, kiểm đếm. Đọc và nêu nhận xét đơn giản từ biểu đồ tranh

a) Thu thập, phân loại, kiểm đếm

- **Thu thập**

GV giới thiệu: Tìm hiểu về các con bọ rùa theo màu sắc, người ta thu thập và thể hiện qua bảng (SGK trang 124).

- **Phân loại**

– Người ta phân loại bộ rùa thành mấy loại? Kể tên.

- **Kiểm đếm**

– HS đếm số bộ rùa mỗi loại và ghi chép kết quả đếm.



Có .?. con bộ rùa màu đỏ.

Có .?. con bộ rùa màu vàng.

Có .?. con bộ rùa màu xanh.

Có .?. con bộ rùa màu tím.

b) Thể hiện kết quả kiểm đếm trên một bảng cho sẵn.

– Đặt  vào khung: 1  / con.

- **Đọc và nêu nhận xét đơn giản từ biểu đồ tranh**

– HS (nhóm đôi) xem biểu đồ và trả lời các câu hỏi (HS nói cho nhau nghe).

– Sửa bài, HS giải thích các câu trả lời.

Chỉ cần nhìn vào sơ đồ, ta thấy ngay:

Số con bộ rùa màu đỏ nhiều nhất. Số con bộ rùa màu vàng ít nhất.

Số con bộ rùa màu đỏ nhiều hơn số con bộ rùa màu vàng 9 con (Yêu cầu HS chỉ vào phần nhiều hơn).

* Sửa bài: GV khuyến khích nhiều nhóm trình bày (có thao tác trên bảng lớp để **minh họa**).

ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

Bài 1:

– Nhóm hai HS **tìm hiểu** bài, **nhận biết**:

- Yêu cầu của bài: **Số?**

- Tìm thế nào? (mối liên hệ giữa các đơn vị đo độ dài)

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** tại sao điền như vậy.

Bài 2:

– Nhóm hai HS **tìm hiểu** bài, **nhận biết**:

- Yêu cầu của bài: **cm** hay **dm**.

- Tìm thế nào? (dựa vào độ lớn của đơn vị đo)

– Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** tại sao điền như vậy.

GV giúp HS ôn lại các số đo của bản thân cần ghi nhớ:

- Bụng ngón trỏ đo được 1 cm.

- Gang tay trung bình đo được 16 cm.

Bài 3:

– Nhóm hai HS **tìm hiểu** bài, **nhận biết**:

- Yêu cầu của bài: **đọc tên điểm, đoạn thẳng, ba điểm thẳng hàng**.

– Khi sửa bài, GV treo hình (hoặc vẽ hình) lên bảng lớp, khuyến khích HS **vừa đọc vừa chỉ** vào hình vẽ.

- Các điểm: A; B; D; C (HS có thể đọc tên không theo thứ tự, đọc đủ là được).

- Các đoạn thẳng: AB; AD; AC; BD; BC; DC (HS có thể đọc tên không theo thứ tự, đọc đủ là được).

- Ba điểm B, D, C thẳng hàng.

Bài 4:

- a) – Tìm hiểu bài:
- HS quan sát hình vẽ, nói xem bức hình vẽ gì? (ốc sên, đường đi,...)
 - Giúp HS dựa vào bức hình, mô tả đặc điểm của đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc.
- HS **xác định** được đường thẳng, đường cong, đường gấp khúc.
- b) – HS tự **tìm hiểu**, GV lưu ý HS:
- Cách đặt thước để đo
 - Cách đọc – viết số đo.
- HS **thảo luận** và **làm bài**.
- Sửa bài, GV khuyến khích HS **nói** câu trả lời.

Thử thách

- HS quan sát các hình ảnh, nhận biết phần khuyết của mỗi hình. GV có thể yêu cầu HS sử dụng các khối lập phương trong bộ đồ dùng học toán để thực hiện ghép hình.
- HS **thảo luận** và **làm bài**.
- Sửa bài: GV khuyến khích HS thao tác trên các khối lập phương.

Bài 5:

- HS tự **tìm hiểu** và **làm bài**.
- Khi sửa bài, GV có thể treo tờ lịch tháng 10 và tháng 11 lên, khuyến khích HS **xem** lịch (vừa trả lời vừa chỉ vào lịch).
- * Mở rộng: Một số ngày cần ghi nhớ, đặc biệt nói về ngày 22/12 để chuyển tiếp sang bài 6.

Bài 6:

- Tìm hiểu bài:
- HS quan sát các bức tranh, nói xem bức tranh vẽ gì. (tờ lịch, đồng hồ, xe chạy, bạn nhỏ vùng cao, chú bộ đội,...)
 - Giúp HS dựa vào bức tranh, **xác định** sự việc xảy ra vào ngày nào, buổi nào trong ngày đó.
- HS **thảo luận** và **làm bài**.
- Khi sửa bài, khuyến khích HS **giải thích** cách làm (GV có thể treo tranh).
- Ví dụ: Các hoạt động này xảy ra vào buổi sáng vì trời sáng, bầu trời trong xanh, có mây trắng trôi,...

Hoạt động thực tế

Em hãy ghi nhận những ngày đáng nhớ của em và của những người thân trong gia đình em.

Ngày, tháng	Sự kiện đáng nhớ
?	?
?	?
?	?